

Số: 194 /TB-ĐHTĐ

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

THÔNG BÁO
Về mức thu học phí và lệ phí

Căn cứ Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 17 tháng 09 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-HĐT ngày 04/9/2025 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học Thành Đông về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Thành Đông;

Căn cứ tình hình thực tế của Trường;

Trường Đại học Thành Đông thông báo mức thu học phí, lệ phí và các khoản thu khác cụ thể như sau:

I. Mức thu học phí, lệ phí

A. Trình độ đại học

STT	Nội dung	Số tín chỉ	Mức thu
I	Học phí		
1.1	Kế toán, Tài chính - ngân hàng, Thương mại điện tử, Quản trị kinh doanh, Bất động sản, Quản lý nhà nước, Luật, Luật kinh tế	Số tín chỉ tùy theo từng ngành đào tạo	480.000đ/TC
1.2	Công nghệ kỹ thuật xây dựng, Công nghệ kỹ thuật ô tô, Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá, Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử Công nghệ kỹ thuật cơ khí Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử		550.000đ/TC
1.3	Quản trị khách sạn; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Công nghệ thông tin, Trí tuệ nhân tạo; Quản lý đất đai, Biến đổi khí hậu		520.000đ/TC
1.4	Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Hàn Quốc;		580.000đ/TC
	Ngôn ngữ Anh		480.000đ/TC

STT	Nội dung	Số tín chỉ	Mức thu
1.5	Điều dưỡng		720.000đ/TC
1.6	Kỹ thuật hình ảnh y học; Kỹ thuật xét nghiệm y học		750.000đ/TC
1.7	Y học cổ truyền		1.250.000đ/TC
1.8	Dược học		810.000đ/TC
	<i>* Trường hợp mở thêm ngành đào tạo mới thì mức học phí được thực hiện tương đương theo từng nhóm ngành tại thông báo này.</i>		
II	Học lại, thi lại		
1	Học phí học lại 01 nhóm từ 5 - 10SV		2.300.000đ/SV/TC
2	Học ghép khóa sau		Theo số tín chỉ
3	Lệ phí thi lại/tính theo học phần		200.000đ/lần
III	Tốt nghiệp		
1	Bảo vệ khóa luận/đồ án		1.950.000đ/SV
2	Thi học phần thay thế tốt nghiệp		1.400.000đ/SV
IV	Lệ phí khác		
1	Lệ phí xét tuyển		350.000đ/thí sinh
2	Lệ phí ôn, thi đầu vào hệ liên thông		1.300.000đ/thí sinh
3	Học GDQPAN		980.000đ/thí sinh/đợt
4	BHYT sinh viên	Theo quy định của BHXH	

B. Hệ đào tạo từ xa trình độ đại học

STT	Nội dung	Thời gian đào tạo	Mức thu
I	Học phí		
1.1	Nhập môn E-Leaning	Thời gian đào tạo theo số tín chỉ được tích lũy	1.200.000đ/SV
1.2	Ngôn ngữ Trung Quốc		400.000đ/TC
1.3	Ngôn ngữ Anh, Công nghệ thông tin		330.000đ/TC
1.3	Luật, Luật kinh tế, Kế toán, Quản trị kinh doanh, Quản trị khách sạn, Quản trị du lịch và lữ hành, Quản lý nhà nước		300.000đ/TC

II	Lệ phí		
1	Lệ phí xét hồ sơ		350.000đ/ hồ sơ/lần
2	Lệ phí thi lại học phần		200.000đ/ học phần
Lệ phí chuẩn đầu ra, giấy thi, thẻ SV, cấp bằng tốt nghiệp, phúc khảo áp dụng theo mức hệ đào tạo chính quy trình độ đại học và quy định mục E, G của Thông báo này.			
<i>* Trường hợp mở thêm ngành đào tạo từ xa thì mức học phí được thực hiện tương đương theo từng nhóm ngành tại thông báo này.</i>			

C. Trình độ thạc sĩ

TT	Ngành đào tạo, danh mục thu	Mức thu
1	Lệ phí xét tuyển	1.350.000đ/hồ sơ
2	Học phí học bổ sung kiến thức (BSKT)	Thu theo số tín chỉ từng ngành của trình độ đại học
3	Học phí:	
3.1	Quản trị kinh doanh	880.000đ/TC
3.2	Quản lý kinh tế	1.000.000đ/TC
3.3	- Quản lý đất đai, - Quản lý công	1.150.000đ/TC
3.4	- Luật kinh tế	1.260.000đ/TC
3.5	- Điều dưỡng	1.450.000đ/TC
4	Học phí học lại ghép khóa sau	Theo số tín chỉ từng học phần.
5	Lệ phí thi lại học phần	200.000đ/học phần

D. Trình độ tiến sĩ

TT	Ngành đào tạo, danh mục thu	Mức thu
1	Lệ phí xét tuyển	1.350.000đ/hồ sơ
2	Học phí học bổ sung kiến thức	Thu theo số tín chỉ từng ngành của trình độ thạc sĩ
3	Học phí NCS trong hạn	
	Ngành Quản lý kinh tế	2.200.000đ/TC
4	Học phí NCS gia hạn	
	Ngành Quản lý kinh tế	Số tiền học phí * thời gian gia hạn theo Quyết định
5	Chi phí đăng báo	800.000đ/lần

TT	Ngành đào tạo, danh mục thu	Mức thu
6	Học lại	
6.1	Học ghép lớp từ 5 NCS	2.200.000đ/TC/NCS
6.2	Học riêng lớp 1 NCS	7.300.000đ/TC/NCS
6.3	Học riêng lớp 2 NCS	3.650.000đ/TC/NCS
6.4	Học riêng lớp 3 NCS	2.500.000đ/TC/NCS
6.5	Học riêng lớp 4 NCS	2.100.000đ/TC/NCS
7	Phí bảo vệ quá hạn	
7.1	Chi phí bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp khoa	15.000.000đ/NCS
7.2	Chi phí bảo vệ tại Hội đồng đánh giá cấp trường	20.000.000đ/NCS
7.3	Phí bảo vệ lại chuyên đề tiến sĩ	1.500.000đ/lần/học phần
7.4	Phí bảo vệ lại tiểu luận tổng quan	1.500.000đ/lần/học phần
7.5	Phí bảo vệ lại đề cương	2.000.000đ/lần/đề cương

E. Chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra đối với sinh viên, học viên

TT	Nội dung	Mức thu
1	Chứng chỉ Ứng dụng CNTT cơ bản	
1.1	Lệ phí ôn, thi và cấp chứng chỉ	700.000đ/SV
1.2	Lệ phí thi lại	200.000đ/ lần
2	Chứng nhận Ứng dụng Gen AI	
2.1	Lệ phí ôn, thi và cấp chứng nhận	350.000đ/SV
2.2	Lệ phí thi lại	200.000đ/ lần
3	Chứng nhận tiếng Anh Bậc 3 (B1)	
3.1	Lệ phí ôn thi, thi và cấp chứng nhận	1.700.000đ/lần/thí sinh
3.2	Lệ phí thi lại	1.000.000đ/lần
4	Chứng nhận tiếng Anh Toeic	
4.1	Lệ phí ôn, thi, cấp chứng nhận	1.350.000đ/lần/thí sinh
4.2	Lệ phí thi lại	500.000đ/ lần
5	Chứng chỉ tiếng Anh bậc 3 (B1), bậc 4 (B2)	
5.1	Lệ phí thi, cấp chứng chỉ	1.800.000đ/lần/thí sinh
5.2	Lệ phí ôn thi chứng chỉ bậc 3 (B1)	1.500.000đ/lần/thí sinh
5.3	Lệ phí ôn thi chứng chỉ bậc 4 (B2)	2.000.000đ/lần/thí sinh
6	Lệ phí thi, cấp chứng chỉ nghiệp vụ, điều hành du lịch nội địa - quốc tế	800.000đ/lần/thí sinh

G. Các khoản thu khác áp dụng chung đối với sinh viên, học viên, NCS

TT	Danh mục	Mức thu
1	Giấy thi	150.000đ/năm
2	Thẻ sinh viên, học viên	50.000đ/thẻ
3	Lệ phí cấp bằng tốt nghiệp	450.000/bằng
4	Lệ phí phúc khảo bài thi	200.000đ/lần/bài thi

II. Tổ chức thực hiện

1. Mức học phí, lệ phí và các khoản thu khác áp dụng từ ngày 01/9/2026 và thay thế Thông báo số 432/TB-ĐHTĐ ngày 06/9/2024 của Hiệu trưởng về việc mức thu học phí và lệ phí Trường Đại học Thành Đông.

2. Phòng Quản lý đào tạo, phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học, các khoa chuyên môn thông báo đến sinh viên, học viên, NCS các khoá của Trường biết và thực hiện./.

Nơi nhận:

- BGH;
- Các đơn vị, phòng ban;
- Người học các khoá;
- Website;
- Lưu: VT, KHTC. 


HIỆU TRƯỞNG
Lê Văn Hùng

